

Bản án số: 400/2019/HS-PT

Ngày: 17-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 752/2018/TLPT-HS ngày 20 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn Q và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn V và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2018/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 528/2019/QĐXX-HS ngày 17 tháng 6 năm 2019.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn Q (tên gọi khác: T), sinh năm 1993 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: ấp V, xã X, huyện X1, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Nh; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 15/11/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999; Bị bắt khẩn cấp và tạm giữ ngày 03/9/2017, chuyển tạm giam theo Lệnh số 134/PC45 ngày 06/9/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Q: Ông D Văn O, là Luật sư của Văn phòng Luật sư D Văn O, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Phạm Văn V, sinh năm 1993 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký thường trú: Đội 5, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: thợ sửa xe; Trình độ văn hóa: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Q và bà Huỳnh Thị L; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2017 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn V: Bà Hứa Thị Th, là Luật sư của Văn phòng Luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Các bị cáo bị kháng cáo:

1/ Họ và tên: Nguyễn Trần Anh D (tên gọi khác: B), sinh năm 1997 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: ấp T2, xã X2, huyện X1, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quốc H và bà Trần Thị Minh Đ; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2017 (có mặt).

2/ Họ và tên: Bùi Xuân Tr, sinh năm 1994 tại tỉnh Thái Bình; Nơi đăng ký thường trú: ấp S 1, xã S, huyện X1, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Xuân T và bà Nguyễn Thị H; Có vợ là Nguyễn Ngọc L; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2017 (có mặt).

3/ Họ và tên: Lê Xuân Kh, sinh năm 1997 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: ấp T3, xã X2, huyện X1, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Phật Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Kh và bà Đặng Thị Diệu Th; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2017 (có mặt).

4/ Họ và tên: Đỗ Hoài S, sinh năm 1992 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: ấp T2, xã X2, huyện X1, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: thợ S; Trình độ văn hóa: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Hữu Th và bà D Thị H; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2017 (có mặt).

5/ Họ và tên: Nguyễn Quốc Th, sinh năm 1997 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: ấp T2, xã X2, huyện X1, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Phật Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Lệ T; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2017 (có mặt).

- *Người bị hại:* Anh Đinh Văn D, sinh năm 1992 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo:

1/ Ông Đinh Văn Th (có mặt)

2/ Chị Trần Thị Th (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Tr, xã X3, huyện X1, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của chị Trần Thị Th, ông Đinh Văn Th: Ông Đồng Mây Hồng Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 02/9/2017, Trần Văn Tr, Đỗ Hoài S, Lê Xuân Kh và Nguyễn Trần Anh D ngụ tại xã X2, huyện X1, tỉnh Đồng Nai trên đường đi dự tiệc sinh nhật của anh Nguyễn Hữu T, tổ chức tại quán nhậu R đường L, khu phố 5, thị trấn G, huyện X1, tỉnh Đồng Nai. Khi nhóm anh Tr đi đến khu vực Trần Văn Tr tiểu học X3 thuộc xã X3, huyện X1 thì xảy ra mâu thuẫn trong việc tham gia giao thông với anh Đinh Văn D và Lương Quốc Ph, sinh năm 1990, cùng ngụ xã X3. Hai bên dừng xe cãi nhau, Ph rút dây nịt, D nhặt cục đá xông vào đánh Tr. Tr né tránh và dùng tay đánh lại D, đồng thời Kh, Anh D và S dùng tay đánh vào mặt, lưng anh D thì được quần chúng nhân dân can ngăn, nên hai nhóm bỏ đi.

Khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày, D và Ph thấy nhóm anh Tr đang ăn nhậu ở quán R nên rủ Lê Văn H, sinh năm 1981 và Phạm Văn V, sinh năm 1993 (em vợ H) đi đánh nhóm Tr trả thù. Sau đó, D mang theo 01 cây sắt hình chữ T kích thước 0,3cm x 0,2cm dài khoảng 30cm; V cầm 01 tuýp sắt đường kính khoảng 2,1cm dài khoảng 70cm và cùng Ph, H chở nhau trên 02 xe mô tô đi đến quán R. Đến nơi, D cầm cây sắt hình chữ T, đầu đội mũ bảo hiểm màu trắng xông vào đánh những người đang dự tiệc sinh nhật của anh Tài.

Tiệc có khoảng 30-40 người trong đó có Tr, Kh, S, Anh D, Nguyễn Quốc Th, Nguyễn Đoàn Trí S, Bùi Xuân Tr và Nguyễn Văn Q. Thấy anh D cầm tuýp sắt xông vào đánh nên hầu hết những người dự tiệc bỏ chạy ra ngoài. Còn Tr, Anh D, Th, S và nhân viên quán R là Bùi Hoàng S, sinh năm 1996 dùng ghế, tay, chân và vỏ chai bia Sài gòn xanh đánh D, thì D dùng tay trái đưa lên đỡ, tay phải cầm cây sắt chữ T đánh lại.

Lúc này, chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1994 (bạn dự sinh nhật anh Tài) chạy không kịp nên chồng chị Loan là Bùi Xuân Tr, chạy đến ôm vợ che chắn thì bị anh D đánh trúng 01 cái vào bả vai trái gây bầm tím da. Trần Văn Tr cùng Tr, Anh D, Th, S, Hoàng S tiếp tục dùng ghế, vỏ chai, tay, chân đánh trả. Thấy D bị đánh, Ph cầm vỏ chai bia Sài gòn xanh, mũ bảo hiểm; V cầm cây tuýp sắt xông vào đánh giải vây cho D. Cùng lúc này, Nguyễn Văn Q cầm 01 con dao tự chế dài khoảng 20cm, cán dao bằng kim loại màu đen, lưỡi dao bằng kim loại

màu trắng sáng, mũi nhọn xông đến đâm D 07 nhát vào lưng, hông sườn, tay làm D té ngã.

Thấy anh D bị đâm, V dùng tuýp sắt xông đến đánh Q nên Q bỏ chạy ra ngoài. V cầm tuýp sắt, D đứng dậy cầm cây sắt chữ T tiếp tục đuổi theo đánh Q, nhưng Q chạy thoát. D thấy Tr đi ra nên xông đến để đánh Tr. Tr nhát 01 cái xẻng xúc than dài khoảng 1m của Quán R (để cách đó khoảng 1m) chạy ra đường. Khi D, V xông đến thì Tr ném xẻng về phía D và bỏ chạy. D, V tiếp tục đuổi theo Tr. Kh cầm 01 vỏ chai bia Sài Gòn xanh bằng thủy tinh, Trần Văn Tr cầm 01 ghế nhựa màu xanh cao 70cm rộng 53cm, Đỗ Hoài S cầm 01 cái cuốc lưỡi bằng kim loại kích thước 24cm x 16cm, cán bằng tre dài 150cm, đường kính 4cm; Th cầm 02 chai bia Sài Gòn xanh cùng Anh D chạy đến, thì V bỏ chạy. Ph từ trong quán R chạy ra kéo D bỏ chạy về hướng quán Phố Biển.

Thấy Ph, D bỏ chạy thì Q quay lại. Khi đến trước khu vực cách quán Phố Biển khoảng 50m thì D bị ngã, Ph tiếp tục bỏ chạy. Q cầm dao đâm 01 nhát vào người D rồi dùng chân đá 01 đến 02 cái vào người D. Lúc này, Kh, Trần Văn Tr, Anh D, Đỗ Hoài S, Th chạy đến không biết Q đã đâm D nên Kh cầm vỏ chai bia Sài Gòn xanh ném vào người D; Trần Văn Tr dùng ghế nhựa màu xanh ném về phía D nhưng không trúng, thì tiếp tục nhát ghế đánh vào chân D; Th dùng chân đạp D 01 cái vào bắp tay phải; S dùng cuốc nhắm vùng đùi, chân đánh D 03 cái; Anh D cầm cây tre đường kính 4cm dài khoảng 46cm đánh D 02 cái vào tay trái, 03 cái vào chân rồi tất cả bỏ đi. V và Ph quay lại đưa D lên xe taxi của anh Nguyễn Doãn T, sinh năm 1992 trú tại số 60, đường Đ, xã X, huyện X1 chở đến Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh cấp cứu, nhưng D đã tử vong.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 10 giờ 30 phút ngày 03/9/2017 đã xác định: Nơi xảy ra sự việc tại quán “King BBQ” thuộc đường L, khu phố 5, thị trấn G, huyện X1, tỉnh Đồng Nai.

Hiện Trần Văn Tr vụ án được ghi nhận như sau: Cách mép nền quán hướng Nam về hướng Bắc 3,8m và cách cột quán thứ hai về hướng Tây Bắc 2,05m là vị trí vết máu nhỏ giọt trên diện tích 0,4m x 0,2m; Cách mép quán hướng Tây về hướng Đông 2,8m là vị trí ghế nhựa màu xanh cao 0,7m, rộng 0,53m dính máu trên thành và mặt ghế.

Trên đường nhựa chạy sát quán BBQ-606 ghi nhận: đường rộng 5m, cách góc quán hướng Đông Nam 4,8m, cách lề đường hướng Tây về hướng Đông 1,9m là vết máu chảy loang, đọng trên diện 1,1m x 1,4m, ở đây có 01 cây sắt hình chữ “T” kích thước 0,3m x 0,2m (khóa chữ T). Cách vết máu 2,2m về hướng Tây Nam ở lề đường hướng Tây là vị trí áo sơ mi dài tay dính máu toàn bộ áo.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 549/PC54-KLGDPY ngày 12/9/2017 của Giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai xác định thương tích và nguyên nhân Đinh Văn D tử vong như sau: Xây xát rách da vùng đầu trên diện 2,2cm X 1,7cm; bầm tím da trên diện 7cm X 4cm vùng trán phải; xước da 2cm x 0,5cm cách 3cm trước nắp vành tai phải; xây sát da 5cm x 4,5cm cách 3cm dưới sau đuôi mắt trái; Bầm tím niêm mạc môi trên môi

dưới; Xây xát da 1cm x 0,5cm mặt trong đầu gối trái; Xây xát rách da 11cm x 0,6cm cách 10cm dưới đầu gối trái; Vết rách da 0,7cm X 0,4cm dưới sau hõm nách bên phải (đường nách sau bên phải); Vết rách da 0,7cm X 0,7cm cách 15cm dưới sau vú trái (vùng sườn lưng bên trái), mép gọn tụ máu; Vết rách da 2,3cm X 1,3cm cách 17cm đốt sống lưng số 10 về bên trái (đường nách khe liên sườn 10-11 bên trái). Mép gọn tụ máu; Vết rách da 1cm X 0,4cm cách 1,5cm đốt sống lưng số 4 về bên phải; trực vết nằm ngang, mép vết gọn tụ máu, xuyên thủng khoang lồng ngực; Vết rách da 0,7cm X 0,2cm cách 4cm dưới vết trên; trực vết trùng trực cơ thể, mép gọn tụ máu; Vết rách da 1,7cm X 1,5cm cách 13cm trên nếp gấp khuỷu tay phải (mặt ngoài cánh tay phải), mặt ngoài vết rách da có vết xước da 5cm; Vết rách da 1,3cm X 0,3cm cách 4cm dưới nếp gấp khuỷu tay phải; Vết rách da 2cm x 0,7cm cách 14cm dưới móm cùng vai bên trái; Bầm tím da trên diện 7cm X 4,5cm vùng bả vai bên trái; Bầm tím da trên diện 8,5cm X 2,5cm vùng lưng bên trái; Xây xát bầm tím da trên diện 9cm X 1,5cm vùng thắt lưng; Nhiều vết bầm tím da trên diện 22cm X 7,5cm vùng mặt sau ngoài cẳng tay phải; Bầm tím vùng mu bàn tay phải gốc ngón trỏ và ngón giữa; Bầm tím sung u trên diện 8cm x 7cm vùng khuỷu và sau cẳng tay trái; Bầm tím da trên diện 8cm x 6cm mặt trước đùi phải. 02 vết xước da 2cm X 0,3cm và 3cm x 0,4cm mặt trước đùi trái.

Nguyên nhân tử vong: Suy hô hấp, tuần hoàn do đa vết thương vùng sườn, lưng gây thủng thùy phổi, rách nhu mô và động - tĩnh mạch phổi.

Hung khí: Vật tày có cạnh, vật tày và vật sắc, nhọn.

Tại Công văn số 148/CV-PC54 ngày 25/10/2017 về việc xác định hung khí gây thương tích của Giám định viên Phòng Kỹ thuật hình sự xác định:

Vùng đầu: Do vật tày có cạnh không đều gây nên nhưng trọng lực nhẹ không ảnh hưởng tới xương hộp sọ (dạng vỏ chai bia).

Vùng mặt: Thấy xây sát bầm tím niêm mạc môi và vùng dưới sau đuôi mắt trái có thể do nạn nhân bị đấm bằng tay.

Vùng sườn, lưng: Có 05 vết rách da vùng sườn lưng dẫn đến thủng thùy phổi, đứt rách động tĩnh mạch phổi làm suy hô hấp, suy tuần hoàn tử vong là do hung khí sắc nhọn gây ra.

Các vết bầm tím và xây xát da vùng vai, lưng là do vật tày không có cạnh và vật tày có cạnh trọng lực nhẹ gây bầm tím da.

Vùng tay, chân: do vật sắc nhọn, vật tày và vật tày có cạnh trọng lực nhẹ gây nên thương tích.

Xác định thời điểm thương tích: Do các vết thương tích trên tử thi Định Văn D đều là thương tích mới nên không xác định rõ được thời điểm gây thương tích trước và sau.

Tại Bản Kết luận giám định số 3140/C54B ngày 31/10/2017 của Giám định viên Phân viện Kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Trên con dao và quần áo gửi giám định có dính máu người. Phân tích AND từ các

mẫu máu này cho cùng kiểu gen hoàn chỉnh của một nam giới và trùng với kiểu gen của Đinh Văn D.

Tại Bản kết luận Giám định pháp y trên hồ sơ số 1024/GĐHS/2017 ngày 13/12/2017 của Giám định viên Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định: vết xây sát rách da vùng đầu trên diện 2,2cm x 1,7cm và xây sát rách da 11cm x 0,6cm cách 10cm dưới đầu gối trái. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Đinh Văn D do thương tích gây nên tại tài liệu hồ sơ hiện có là: 03% (ba phần trăm).

Vật chứng thu giữ: 01 con dao tự chế dài khoảng 20cm, cán dao bằng kim loại màu đen, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng sáng; 01 áo sơ mi màu trắng có hoa văn màu đen (nhãn hiệu Best fashion); 01 quần jeans xanh; 01 USB lưu giữ 03 đoạn phim do Camera quán King BBQ và quán Phố Biển (cách quán King BBQ khoảng 100m) ghi hình thời điểm xảy ra vụ án; 01 áo sơ mi dài tay dính chất dịch màu nâu đỏ; 01 cái cuốc lưỡi bằng kim loại kích thước 24cm x 16cm, cán bằng tre dài 150cm, đường kính 4cm; 01 khúc cây tre dài 0,46m, đường kính 4cm; 01 cái xẻng (không có cán) dài 42cm x 18cm; 01 cây sắt hình chữ T kích thước 0,3cm x 0,2cm dài khoảng 30cm; một số chai bia bể, một số mảnh ghế nhựa bể màu xanh; 01 tuýp sắt tròn đường kính 21mm, dài khoảng 70cm.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình nạn nhân Đinh Văn D yêu cầu bồi thường chi phí chữa trị, mai táng số tiền 146.925.000đ (một trăm bốn mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi lăm ngàn) đồng. Yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần và trợ cấp cho 02 người con của nạn nhân Đinh Văn D theo qui định pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số 600/CT-VKS-P2 ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố Nguyễn Quốc Th, Đỗ Hoài S, Lê Xuân Kh, Nguyễn Trần Anh D và Bùi Xuân Tr về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự 1999; truy tố Phạm Văn V về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2018/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q (tên gọi khác: T) phạm tội “Giết người”; bị cáo Phạm Văn V phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”; các bị cáo Nguyễn Quốc Th, Đỗ Hoài S, Lê Xuân Kh, Nguyễn Trần Anh D và Bùi Xuân Tr phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2/ Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999,

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn Q (tên gọi khác: T) 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/9/2017.

3/ Áp dụng khoản 1 Điều 245, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999,

Xử phạt bị cáo: Phạm Văn V 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

4/ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo S, Anh D, Th và Kh),

Xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Quốc Th 08 (tám) tháng tù.

Đỗ Hoài S 08 (tám) tháng tù.

Lê Xuân Kh 08 (tám) tháng tù.

Nguyễn Trần Anh D 08 (tám) tháng tù.

Bùi Xuân Tr 08 (tám) tháng tù.

Cho các bị cáo S, Anh D, Th, Kh và Trần Văn Tr hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 4 tháng (một năm, bốn tháng) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo S, Anh D, Th, Kh cho Ủy ban nhân dân xã X2, huyện X1, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Văn Tr cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện X1, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự, về xử lý số tiền mà gia đình bị cáo Nguyễn Văn Q tạm nộp, về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, các quy định về thi hành án, quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, bị cáo Nguyễn Văn Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, bị cáo Phạm Văn V kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, ông Đinh Văn Th và chị Trần Thị Th, là người đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn Q; yêu cầu thay đổi tội và áp dụng hình phạt tù giam đối với các bị cáo Nguyễn Quốc Th, Đỗ Hoài S, Lê Xuân Kh, Nguyễn Trần Anh D và Bùi Xuân Tr; yêu cầu tăng mức bồi thường và cấp dưỡng hằng tháng mà bị cáo Q phải thực hiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn V, Nguyễn Quốc Th, Đỗ Hoài S, Lê Xuân Kh, Nguyễn Trần Anh D và Bùi Xuân Tr đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử. Các bị cáo Nguyễn Văn Q và Phạm Văn V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Ông Đồng Mây Hồng Tr là người đại diện hợp pháp cho ông Đinh Văn Th và chị Trần Thị Th rút yêu cầu kháng cáo về việc chuyển đổi tội danh đối với các bị cáo Nguyễn Quốc Th, Đỗ Hoài S, Lê Xuân Kh, Nguyễn Trần Anh D và

Bùi Xuân Tr; giữ nguyên các yêu cầu kháng cáo còn lại; bổ sung yêu cầu kháng cáo tăng tiền cấp dưỡng 02 người con của anh D lên 2.000.000 đồng/tháng/02 cháu, bồi thường tổn thất tinh thần cho ông Thêm 100 tháng lương cơ sở.

Bị cáo Q đồng ý với yêu cầu kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại về số tiền bồi thường tổn thất về tinh thần và số tiền cấp dưỡng nuôi hai con của anh D.

Trong phần tranh luận,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn V và đơn kháng cáo của ông Đinh Văn Th, chị Trần Thị Th làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị hại rút một phần yêu cầu kháng cáo, về việc chuyển tội danh đối với các bị cáo Nguyễn Quốc Th, Đỗ Hoài S, Lê Xuân Kh, Nguyễn Trần Anh D và Bùi Xuân Tr. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này.

Về tội danh: Căn cứ vào diễn biến của vụ án, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Phạm Văn V về tội “Gây rối trật tự công cộng” khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 1999; các bị cáo Nguyễn Quốc Th, Đỗ Hoài S, Lê Xuân Kh, Nguyễn Trần Anh D và Bùi Xuân Tr về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về hình phạt: Xét thấy, bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất nguy hiểm của hành vi, vai trò, nhân thân và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho từng bị cáo. Mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là thoả đáng, không nhẹ và cũng không nặng như kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại đã nêu.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo Q và ông Thêm, chị Thọ, về số tiền bồi thường tổn thất về tinh thần và số tiền cấp dưỡng nuôi hai con của anh D.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn V, Nguyễn Quốc Th, Đỗ Hoài S, Lê Xuân Kh, Nguyễn Trần Anh D và Bùi Xuân Tr không thực hiện quyền tự bào chữa.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Q phát biểu ý kiến:

Theo diễn biến vụ án, chính anh D, anh Ph, anh H và bị cáo V là người chuẩn bị hung khí, kéo đến quán R để trả thù nhóm anh Tr. Tại đây, anh D và bị

cáo V đã chủ động tấn công trước. Do đó, hành vi của anh D là trái pháp luật. Hành vi của bị cáo Q không phải “có tính chất côn đồ” được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999, mà đúng ra phải được xét xử ở khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nhưng bị cáo cũng đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Văn V phát biểu ý kiến:

Về tội danh: Luật sư đồng ý với tội danh mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo V.

Về hình phạt: Vai trò của bị cáo V trong vụ án là mờ nhạt, hạn chế. Bị cáo V hội đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo có kháng cáo ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xen xét, chấp nhận kháng cáo của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị hại rút một phần yêu cầu kháng cáo, về việc chuyển tội danh đối với các bị cáo Nguyễn Quốc Th, Đỗ Hoài S, Lê Xuân Kh, Nguyễn Trần Anh D và Bùi Xuân Tr. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn V, Nguyễn Quốc Th, Đỗ Hoài S, Lê Xuân Kh, Nguyễn Trần Anh D và Bùi Xuân Tr tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện Trần Văn Tr ngày 03/9/2017, Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 549/PC54-KLGĐPY ngày 12/9/2017, Công văn số 148/CV-PC54 ngày 25/10/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, Bản kết luận giám định số 3140/C54B của Phân viện Kỹ thuật Hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 1024/GĐHS/2017 ngày 13/12/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Nai; đồng thời phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án đã chứng minh tại phiên tòa. Từ đó đã có đủ cơ sở pháp lý để xác định:

Khoảng 19 giờ ngày 02/9/2017, tại khu vực Trần Văn Tr Tiểu học X3, huyện X1, tỉnh Đồng Nai, xuất phát từ mâu thuẫn trong tham gia giao thông với nhóm đối tượng Trần Văn Tr, Đỗ Hoài S, Lê Xuân Kh, Nguyễn Trần Anh D, nên Đinh Văn D và Lương Quốc Ph dùng dây nịt, cục đá tấn công anh Tr; đồng thời Kh, Anh D và S dùng tay đánh vào mặt, lưng anh D thì được mọi người can ngăn, nên hai nhóm bỏ đi.

Đến khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày, D và Ph thấy nhóm anh Tr đang dự sinh nhật của anh Nguyễn Hữu T ở quán R nên rủ Lê Văn H và Phạm Văn V đi đánh nhóm Tr trả thù. D chuẩn bị cây sắt hình chữ T kích thước 0,3cm x 0,2cm, dài khoảng 30cm; V chuẩn bị cây tuýp sắt đường kính khoảng 2,1cm, dài khoảng 70cm.

Đến nơi, D cầm cây sắt hình chữ T xông vào đánh những người đang dự tiệc sinh nhật. Mọi người dự tiệc sinh nhật bỏ chạy. Riêng các đối tượng Tr, Anh D, Nguyễn Quốc Th, Nguyễn Đoàn Trí S và Bùi Hoàng S (nhân viên quán R) dùng ghế, tay, chân và vỏ chai bia Sài Gòn xanh đánh D, thì D dùng tay trái đưa lên đỡ, tay phải cầm cây sắt chữ T đánh lại.

Thấy vợ là chị Nguyễn Ngọc L (cũng là khách dự sinh nhật) không chạy kịp nên Bùi Xuân Tr, chạy đến ôm vợ che chắn thì bị D đánh trúng 01 cái vào bả vai trái gây bầm tím da. Trần Văn Tr, Tr, Anh D, Th, S, S tiếp tục dùng ghế, vỏ chai, tay, chân đánh trả. Thấy D bị đánh, Ph cầm vỏ chai bia Sài Gòn xanh, mũ bảo hiểm; V cầm cây tuýp sắt xông vào đánh giải vây cho D. Cùng lúc này, Nguyễn Văn Q cầm 01 con dao tự chế dài khoảng 20cm, cán dao bằng kim loại màu đen, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng sáng, mũi nhọn xông đến đâm D 07 nhát vào lưng, hông sườn, tay làm D té ngã.

Thấy anh D bị đâm, V dùng tuýp sắt xông đến đánh Q nên Q bỏ chạy ra ngoài. V cầm tuýp sắt, D đứng dậy cầm cây sắt chữ T tiếp tục đuổi theo đánh Q, nhưng Q chạy thoát. D thấy Tr đi ra nên xông đến để đánh Tr. Tr nhặt 01 cái xẻng xúc than dài khoảng 1m của Quán R chạy ra đường. Khi D, V xông đến thì Tr ném xẻng về phía D và bỏ chạy. D, V tiếp tục đuổi theo Tr. Khi cầm 01 vỏ chai bia Sài Gòn xanh bằng thủy tinh, Trần Văn Tr cầm 01 ghế nhựa màu xanh cao 70cm rộng 53cm, Đỗ Hoài S cầm 01 cái cuốc lưỡi bằng kim loại kích thước 24cm x 16cm, cán bằng tre dài 150cm, đường kính 4cm; Th cầm 02 chai bia Sài Gòn xanh cùng Anh D chạy đến, thì V bỏ chạy. Ph từ trong quán R chạy ra kéo D bỏ chạy về hướng quán Phố Biển.

Thấy Ph, D bỏ chạy thì Q quay lại. Khi đến trước khu vực cách quán Phố Biển khoảng 50m thì D bị ngã, Ph tiếp tục bỏ chạy. Q cầm dao đâm 01 nhát vào người D rồi dùng chân đá 01 đến 02 cái vào người D. Lúc này, Kh, Trần Văn Tr, Anh D, Đỗ Hoài S, Th chạy đến không biết Q đã đâm D nên Kh cầm vỏ chai bia Sài Gòn xanh ném vào người D; Trần Văn Tr dùng ghế nhựa màu xanh ném về phía D nhưng không trúng, thì tiếp tục nhặt ghế đánh vào chân D; Th dùng chân đạp D 01 cái vào bắp tay phải; S dùng cuốc nhắm vùng đùi, chân đánh D 03 cái; Anh D cầm cây tre đường kính 4cm dài khoảng 46cm đánh D 02 cái vào tay trái, 03 cái vào chân rồi tất cả bỏ đi. V và Ph quay lại đưa D lên xe taxi chở đến Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh cấp cứu, nhưng D đã tử vong.

Bị cáo Nguyễn Văn Q đã thực hành vi dùng dao đâm anh D 07 nhát, sau khi anh D ngã bị cáo tiếp tục dùng dao đâm thêm một nhát nữa, hậu quả làm nạn nhân chết. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tính mạng người khác, được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Q về tội “Giết

người” với tình tiết định khung tăng nặng “Có tính chất côn đồ” được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo Q còn có tình tiết tăng nặng “có tình thực hiện tội phạm đến cùng” được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi theo diễn biến của vụ án thì các hành vi của bị cáo là một chuỗi hành vi liên tục, có tính chất côn đồ.

Bị cáo Phạm Văn V là người có quá trình chuẩn bị hung khí là cây tuýp sắt đường kính khoảng 2,1cm, dài khoảng 70cm, đi cùng anh D, anh Ph đến quán “R” nhằm để trả thù nhóm đã xô xát với anh D trước đó. Khi đến nơi, bị cáo V đã chủ động dùng tuýp sắt tấn công 4-5 người để giải vây cho anh D; khi Q đâm anh D, V dùng tuýp sắt xông đến đánh Q nên Q bỏ chạy ra ngoài; V tiếp tục cầm tuýp sắt cùng với D rượt đuổi, đánh Q; khi thấy Tr cầm xẻng, V tiếp tục đuổi theo đánh Tr. Hành vi của bị cáo V là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến trị an tại địa phương. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo V về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Lê Xuân Kh cầm vỏ chai bia Sài Gòn xanh ném vào người anh D; Bùi Xuân Tr dùng ghế nhựa màu xanh ném về phía anh D nhưng không trúng, thì tiếp tục nhặt ghế đánh vào chân anh D. Nguyễn Xuân Th dùng chân đạp anh D 01 cái vào bắp tay phải của anh D. Đỗ Hoài S dùng cuốc nhắm vùng đùi, chân đánh anh D 03 cái. Nguyễn Trần Anh D cầm cây tre đường kính 4cm dài khoảng 46cm đánh anh D 02 cái vào tay trái, 03 cái vào chân. Những hành vi này của các bị cáo đã gây ra những vết xây xát, bầm tím, có tổng tỉ lệ thương tích là 3%. Những hành vi này không phải là nguyên nhân gây nên cái chết của anh D. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo này về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, vai trò, nhân thân của từng bị cáo và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Cụ thể:

Ngoài bị cáo Q có nhân thân xấu, các bị cáo còn lại đều chưa có tiền án tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có hoàn cảnh gia đình khó khăn; người bị hại có một phần lỗi là có quá trình chuẩn bị hung khí, chủ động tấn công trước.

Bị cáo V cũng là người có quá trình chuẩn bị hung khí, chủ động tấn công trước.

Các bị cáo Anh D, Trần Văn Tr, Kh, S và Th có vai trò hạn chế, là người bị tấn công trước, thuộc Trần Văn Tr hợp ít nghiêm trọng, có việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng.

Do đó, mức án mà Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp, không nhẹ như yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại; đồng thời cũng không nặng như yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Q, V đã nêu.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo có kháng cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Q và người đại diện hợp pháp của người bị hại đã tự nguyện bồi thường thêm các khoản sau: Tiền cấp dưỡng cho 2 con của anh D 2.000.000 đồng/tháng; Tiền tổn thất tinh thần cho ông Đinh Văn Th: 100 tháng lương cơ sở là 139.000.000 đồng.

Xét thấy sự thoả thuận nêu trên giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, về việc sửa phần dân sự của bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy cần sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt nên các bị cáo có kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng số tiền bồi thường thiệt hại, do đó cần buộc bị cáo Q phải chịu án phí dân sự đối với số tiền mà bị cáo có nghĩa vụ bồi thường.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

[1] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại, về việc chuyển tội danh đối với các bị cáo Nguyễn Quốc Th, Đỗ Hoài S, Lê Xuân Kh, Nguyễn Trần Anh D và Bùi Xuân Tr.

[2] Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn V. Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị

hại. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2018/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q (tên gọi khác: T) phạm tội “Giết người”; bị cáo Phạm Văn V phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”; các bị cáo Nguyễn Quốc Th, Đỗ Hoài S, Lê Xuân Kh, Nguyễn Trần Anh D và Bùi Xuân Tr phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn Q (tên gọi khác: T) 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/9/2017. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 245, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo: Phạm Văn V 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, (áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Đỗ Hoài S, Nguyễn Trần Anh D, Nguyễn Quốc Th và Lê Xuân Kh),

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Quốc Th 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày 09/11/2018.

Xử phạt bị cáo: Đỗ Hoài S 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày 09/11/2018.

Xử phạt bị cáo: Lê Xuân Kh 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày 09/11/2018.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Trần Anh D 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày 09/11/2018.

Xử phạt bị cáo: Bùi Xuân Tr 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày 09/11/2018.

Giao các bị cáo Nguyễn Quốc Th, Đỗ Hoài S, Lê Xuân Kh, và Nguyễn Trần Anh D cho Ủy ban nhân dân xã X2, huyện X1, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Bùi Xuân Tr cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện X1, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trần Văn Tr hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

2/ Áp dụng khoản 2 Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị Th, ông Đinh Văn Th như sau:

2.1/ Bị cáo Nguyễn Văn Q bồi thường cho ông Đinh Văn Th 36.925.000 (ba mươi sáu triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn) đồng tiền chi phí chữa trị, mai táng anh Đinh Văn D và 139.000.000 (một trăm ba mươi chín triệu) đồng tiền tổn thất về tinh thần.

2.2/ Bị cáo Nguyễn Văn Q bồi thường cho chị Trần Thị Th 139.000.000 (một trăm ba mươi chín triệu) đồng tiền tổn thất về tinh thần.

Việc bồi thường tiền chi phí điều trị, mai táng và bồi thường tổn thất về tinh thần được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2.3/ Hằng tháng bị cáo Nguyễn Văn Q phải cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Tuấn Kiệt (sinh ngày 01/02/2016) 1.000.000 (một triệu) đồng và cháu Đinh Ngọc Trúc Linh (sinh ngày 22/9/2014) 1.000.000 (một triệu) đồng.

Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 02/9/2017 và chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên; thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp 15.746.250 (mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi) đồng.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn V mỗi bị cáo phải nộp 200.00 (hai trăm ngàn) đồng.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trần Văn Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;

- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- TTG CA tỉnh Đồng Nai;
- (Tổng đạt cho bị cáo);
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu;

Võ Văn Khoa